

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày 09-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm theo thủ tục rút gọn thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T, sinh năm 1973 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Biết viết tên; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Đào Thị C; vợ Ngô Thị Th và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Vào ngày 21/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện U Minh xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án và được xóa án tích; bị bắt ngày 10/01/2021 và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Chị Phạm Cẩm P, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, Lê Văn T chuẩn bị công cụ và điều khiển phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 69F3 – 8210 từ ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau đến ấp H, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 00 giờ ngày 10/01/2021, khi đến nhà của chị Phạm Cẩm

P thì Lê Văn T dừng xe và lên vào nhà của chị P, thấy mọi người đều đã ngủ, Lê Văn T lén lúc lục trong túi áo khoác của chị P lấy số tiền 428.000 đồng. Liên ngay sau đó, Lê Văn T di chuyển đến nhà anh Phạm Văn T cách nhà của chị P khoảng 10 mét rồi dùng dây kẽm buộc cửa trước và cửa hông nhà của anh T lại, tiếp đến Lê Văn T đi ra cửa nhà sau dùng cây vít cạy chốt khóa cửa bật ra rồi lên vào nhà lấy hai cái cặp treo trong phòng ngủ của anh T đem ra nhà sau lục lấy số tiền 11.666.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, Lê Văn T tiếp tục quay vào phòng ngủ của anh T và dùng cây vít cạy học tủ để tìm kiếm tài sản nhưng bị anh T phát hiện truy hô và cùng mọi người đuổi bắt quả tang Lê Văn T rồi giao cho Công an xử lý.

Về phần tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm 01 chiếc xe biển kiểm soát số 69F3-8210, 01 cây đèn pin loại nhỏ, 01 cây đầu vít, 01 cây dao bấm Inox, 01 mặt đồng hồ điện tử và 01 khoen khóa bằng kim loại.

Quyết định truy tố số: 10/QĐ-VKS ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo thủ tục rút gọn.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đề nghị trả lại cho bị cáo chiếc xe biển kiểm soát số 69F3-8210, tịch sung tiêu hủy 01 cây đèn pin loại nhỏ, 01 cây đầu vít, 01 cây dao bấm Inox, 01 mặt đồng hồ điện tử và 01 khoen khóa bằng kim loại.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại hoặc yêu cầu gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên được xác định là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại theo Quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với tài sản bị chiếm đoạt và biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Lê Văn T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh T và chị P vào ngày 10/01/2021 với tổng số tiền là 12.094.000 đồng đúng như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, vi phạm pháp luật hình sự cần phải được xử lý. Bị cáo nhận thức rõ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích tư lợi để nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã bất chấp kể cả việc thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, vào ngày 21/11/2014 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện U Minh xử phạt 09 tháng tù về Trộm cắp tài sản mặc dù đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích nhưng đến ngày 10/01/2021 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt điều đó cho thấy bị cáo chưa ăn năn hối cải và trong trường hợp này không thể áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo. Nhân thân của bị cáo không tốt nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo theo ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là cần thiết, có như vậy mới có thể giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, việc Cơ quan điều tra quyết định trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại là đúng pháp luật và bị hại không yêu cầu tiếp tục bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với tài sản thu giữ gồm 01 chiếc xe biển kiểm soát số 69F3-8210 là tài sản của bị cáo được bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên không trả lại cho bị cáo mà cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với 01 cây đèn pin loại nhỏ, 01 cây đầu vít, 01 cây dao bấm Inox, 01 mặt đồng hồ điện tử và 01 khoen khóa bằng kim loại có liên quan đến hành vi phạm tội hiện không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành tính từ ngày 10/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt bị hại đã nhận lại và không yêu cầu tiếp tục bồi thường nên không đặt ra.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe biển kiểm soát số 69F3-8210; tịch thu và tiêu hủy 01 cây đèn pin loại nhỏ, 01 cây đầu vít, 01 cây dao bấm Inox, 01 mặt đồng hồ điện tử và 01 khoen khóa bằng kim loại hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời quản lý theo biên bản giao nhận ngày 01/02/2021.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan cảnh sát điều tra

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Công an huyện Trần Văn Thời;
- Cơ quan Thi hành án hình sự
Công an tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Thi hành án hình sự
Công an huyện Trần Văn Thời;
- Nhà tạm giữ Công an
huyện Trần Văn Thời;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Hải